TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2019/HS-ST
Ngày 12 tháng 12 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trịnh Văn Điệp**

2. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trịnh Nga Muội** - Là Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:*** Ông **Dương Việt Khái** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 101/2019/TLST-HS, ngày 14 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2019, đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Nguyễn Văn T, sinh năm 1985, tại Cà Mau; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 1/12; Cha: Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; Mẹ: Đoàn Thị N, sinh năm 1967; Anh, chị, em ruột: 02 người (lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1989); Vợ: Tô Kiều Q, sinh năm 1982 (bị cáo thứ hai trong vụ án); Con: 01 người, sinh năm 2003; Tiền sự, tiền án: Không. Bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 13/9/2019, sau đó khởi tố chuyển tạm giam, đến ngày 09/11/2019 cho gia đình bảo lĩnh được tại ngoại (Bị cáo tại ngoại có mặt).

Người bào chữa: Bà Võ Bé N (Có mặt) - Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau.

Bị cáo thứ hai: Tô Kiều Q, sinh năm 1982, tại Cà Mau; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ

học vấn: Lớp 1/12; Cha: Tô Hùng N, sinh năm 1955; Mẹ: Trần Thị T, sinh năm 1959; Anh, chị, em ruột: 06 người (lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1990); Chồng: Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (Bị cáo thứ nhất trong vụ án); Con: 01 người, sinh năm 2003; Tiền sự, tiền án: Không; Bị khởi tố áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/9/2019 đến nay (Bị cáo tại ngoại có mặt).

Người bào chữa: Ông Võ Giang N (Có mặt) - Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau.

Bị hại:

Anh Hồ Trọng N, sinh năm 1989 (Có mặt). Trú tại: Khóm 8, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông Trần Văn D, sinh năm 1969 (Vắng mặt). Trú tại: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 01 giờ, ngày 10/9/2019, bị cáo T đi soi cá từ nhà ấp Thăm Trơi, xã Khánh Bình Đông, khi đến nhà Hồ Trọng N thuộc khóm 8, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, bị cáo có hành vi lén lút lấy trộm của Hồ Trọng N các tài sản sau: 01 điện thoại di động loại bàn phím hiệu H.Phone, 01 điện thoại OPPO F9 màu tím, 01 cục sạc dự phòng hiệu E.valu, 01 chìa khóa xe hiệu Yamaha, 01 cái bóp da màu nâu bên trong có giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe của Hồ Trọng N, 01 giấy đăng ký xe tên Võ Thị G, 01 giấy đăng ký xe tên Võ Thị Huyền T, 01 giấy hợp đồng cầm cố tài sản tên tiệm vàng Hữu C, tiền Việt Nam 6.000 đồng. Sau đó, T đốt bỏ 01 giấy phép lái xe của Hồ Trọng N, 01 giấy đăng ký xe tên Võ Thị G, 01 giấy đăng ký xe tên Võ Thị Huyền T. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, T cho Tô Kiều Q (vợ của Tưởng) 01 điện thoại OPPO F9 màu tím để sử dụng, nhưng Q không sử dụng do điện thoại bị bể màn hình, đồng thời Q cũng biết điện thoại trên T trộm cắp mà có. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, T đem hợp đồng cầm cố vàng ra cho Q xem và nói trong hợp đồng cầm cố còn tiền. T kêu Q đưa sợi dây chuyền của Q đang đeo cho T mượn để chuộc sợi dây chuyền trong hợp đồng cầm cố ra để lấy tiền chênh lệch. T đem sợi dây chuyền của Q đến tiệm vàng Phương Nam thuộc khóm 1, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời cầm được 8.500.000 đồng. T đến tiệm vàng Hữu Chín chuộc sợi dây chuyền của Hồ Trọng N 4,2 chỉ vàng 18K số tiền 8.250.000 đồng. T đem sợi dây chuyền vừa chuộc được của N về cho Q xem rồi đem đến tiệm vàng Trung Kiên thuộc khóm 1, thị trấn Trần Văn Thời bán được 9.917.000 đồng rồi quay lại tiệm vàng Phương Nam chuộc lại sợi dây chuyền của Q. T đem điện thoại OPPO F9 màu tím đến tiệm điện thoại Ngọc Bích thuộc khóm 1, thị trấn Trần Văn Thời thay màn hình giá 600.000 đồng rồi về đưa cho Q sử dụng. Mặc dù biết rõ nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có nhưng Tô Kiều Q vẫn đồng ý nhận 01 điện thoại OPPO F9 màu tím và 817.000 đồng (tiền bán sợi dây chuyền của N còn lại), để sử dụng và chi xài cá nhân. Ngoài ra, bị cáo T còn khai nhận và thực hiện 02 vụ trộm khác, cụ thể: Vụ thứ nhất vào

ngày 25/4/2019, tại ấp Công Nghiệp, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, T đã lén lút lấy trộm Trần Văn D 01 cây cưa máy hiệu Tanaka ECS-3500 màu cam đen và vụ án thứ hai vào ngày 06/9/2019, tại ấp Công Nghiệp, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, T đã lén lút lấy trộm của Tô Phủ Bạc 01 máy bơm nước màu xanh dương có chữ TECO-1Phase Inducition motor.

Vật chứng thu giữ: 01 cây cưa máy hiệu Tanaka ECS-3500 màu cam đen, 01 cái bóp da màu nâu có in chữ Mercedes; 01 cục sạc dự phòng màu đen-đỏ hiệu E.VALU; 01 điện thoại di động hiệu Hphone màu đen, sim số 0949.768.225; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu tím; 01 chìa khóa xe màu đen, bạc có logo hãng Yamaha; Tiền Việt Nam 416.000 đồng, 01 máy bơm nước màu xanh dương có chữ TECO-1Phase Inducition motor, 01 nón bảo hiểm màu đỏ, vành màu đen, phía trước có chữ NB Nam Bình, hai bên mũ có chữ Honda Nam Bình; 01 điện thoại cảm ứng hiệu Galaxy S2 Prime màu vàng đồng, sim số 0949.88.99.16; 01 Motor màu xanh lá cây hiệu Baolong và 01 ổn áp hiệu HANSHIN 3KV, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn T.

Tại kết luận số 50 ngày 13/9/2019 của Hội đồng định giá thuộc UBND huyện Trần Văn Thời, kết luận: 01 sợi dây chuyền trọng lượng 4,2 chỉ vàng 18 kara trị giá 11.256.000 đồng; 01 điện thoại OPPO J9 trị giá 6.796.000 đồng; 01 điện thoại Hphone màu đen trị día 212.000 đồng; 01 cục sạc dự phòng trị giá 275.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 18.539.000 đồng. Tại kết luận số 53 ngày 18/9/2019 của Hội đồng định giá thuộc UBND huyện Trần Văn Thời, kết luận: 01 máy bơn nén màu xanh hiệu TECO trị giá 1.725.000 đồng; 01 cây cưa máy hiệu TaNaka ECS 3500 màu cam đen trị giá 3.796.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 5.521.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 106/CT-VKS ngày 13/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố Nguyễn Văn T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Tô Kiều Q về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên giữ nguyên Cáo trạng số: 106/CT-VKS ngày 13/11/2019 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: "Trộm cắp tài sản" và bị cáo Tô Kiều Q phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 06 tháng đến 01 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Q từ 06 tháng đến 01 năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm đến 2 năm; Giao bị cáo Quyên cho UBND xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa

vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản, hiện không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo T: 01 nón bảo hiểm màu đỏ, vành màu đen, phía trước có chữ NB Nam Bình, hai bên mũ có chữ Honda Nam Bình; 01 điện thoại cảm ứng hiệu Galaxy S2 Prime màu vàng đồng, sim số 0949.88.99.16; Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Trần Văn Thời quản lý 01 Motor màu xanh lá cây hiệu Baolong; 01 ổn áp hiệu HANSHIN 3KV, tiếp tục điều tra xử lý theo thẩm quyền; Đối với việc Tô Phủ Bạc khai có mất 01 nồi cơm điện, nhưng hiện chưa chứng minh được bị cáo T lấy trộm. Nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời tiếp tục điều tra, có căn cứ xử lý sau, là phù hợp; Đối với hành vi của bị cáo T trộm 01 máy bơm nén màu xanh hiệu TECO của Tô Phủ Bạc, nhưng không đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời xử phạt hành chính đối với Tưởng là phù hợp; Đối với Lâm Anh V, có nhận 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu tím để thay màn hình, nhưng không biết Tưởng trộm cắp mà có. Nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời không xử lý là phù hợp.

Các trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo T, Q thống nhất về tội danh, không tranh luận; về hình phạt mà Viện kiểm sát áp dụng cho các bị cáo không thống nhất; xem xét cho các bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo tại địa phương.

Các bị cáo T, Q, cũng như bị hại Hồ Trọng N, thống nhất bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh; về hình phạt yêu cầu xem xét cho các bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo tại địa phương theo đề nghị của các trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Văn Thời, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo: T, Q, thừa nhận hành vi phạm tội, khoảng 01 giờ ngày 10/9/2019, tại nhà của Hồ Trọng N (thuộc ấp T, xã K), bị cáo T có hành vi lén lút lấy trộm của Hồ Trọng N: 01 điện thoại H.Phone màu đen, 01 điện thoại OPPO F9 màu tím, 01 cục sạc dự phòng hiệu E.valu, 01 giấy hợp đồng cầm cố vàng, tiền Việt Nam 6000 đồng, với giá trị tài sản thiệt hại là 18.545.000 đồng. Ngoài ra, ngày

25/4/2019 tại nhà của Trần Văn D (thuộc ấp C, xã L), bị cáo T lén lút lấy trộm của Trần Văn D 01 cây cưa máy hiệu Tanaka ECS-3500 màu cam đen, trị giá 3.796.000 đồng. Đối với bị cáo Q, biết rõ nguồn gốc tài sản do bị cáo T trộm cắp mà có, nhưng bị cáo Q vẫn đồng ý tiêu thụ: 01 điện thoại OPPO F9 màu tím, 01 cục sạc dự phòng hiệu E.valu trị giá 275.000 đồng và 817.000 đồng, để sử dụng và chi xài cá nhân. Hành vi của bị cáo T phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Q phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số: 106/CT-VKS ngày 13/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố bị cáo T, Q là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét, tính chất mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại trái pháp luật. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc trộm cắp và tiêu thụ tài sản bất hợp pháp là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi bất chính các bị cáo đã thực hiện tội phạm hoàn thành với lỗi cố ý trực tiếp. Gây mất an ninh, trật tự trị an tại địa phương. Cần, có mức hình phạt áp dụng tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Xét, mức hình phạt mà Viện kiểm sát áp dụng đối với bị cáo T và bị cáo Q, thấy rằng: Các bị cáo T, Q có nhân thân tốt; chưa có tiền án tiền sự; tài sản trộm cắp và tiêu thụ đã trả lại cho người bị hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị hại có đơn cho các bị cáo được hưởng mức án tại ngoại; bị cáo T có người cậu tên Đoàn Văn B được Nhà nước công nhận là liệt sỹ. Ngoài ra, bị cáo T là lao động chính, các bị cáo có trình độ học vấn thấp, nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo T có bệnh lý về tim mạch. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Q không có tình tiết tăng nặng; bị cáo T có tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Nên, không cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo T theo đề nghị của Viện kiểm sát, mà cần áp dụng hình phạt cải tạo tại địa phương đối với bị cáo T, cũng như bị cáo Q, vì các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Việc, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục các bị cáo; đồng thời cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Các tài sản bị mất trộm gồm 01 cây cưa máy hiệu Tanaka ECS-3500 màu cam đen đã được trả lại cho bị hại Trần Văn D; 01 cái bóp da màu nâu có in chữ Mercedes; 01 cục sạc dự phòng màu đen-đỏ hiệu E.VALU; 01 điện thoại di động hiệu Hphone màu đen, sim số 0949.768.225; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu tím; 01 chìa khóa xe màu đen, bạc có logo hãng Yamaha; Tiền Việt Nam 416.000 đồng, cũng đã trả lại cho bị hại Hồ Trọng N. Ngoài ra, các tài sản mà bị cáo T đã tiêu hủy của Hồ Trọng N, giữa bị cáo và Hồ Trọng N thỏa thuận bồi thường xong. Hiện, Hồ Trọng N cũng như Trần Văn D không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với: 01 nón bảo hiểm màu đỏ, vành màu đen, phía trước có chữ NB Nam Bình, hai bên mũ có chữ Honda Nam Bình; 01 điện thoại cảm ứng hiệu Galaxy S2 Prime màu vàng đồng, sim số 0949.88.99.16. Đây, là tài sản hợp pháp của bị cáo T, cần trả lại cho bị cáo theo đề nghị của Việt kiểm sát là phù hợp; Đối với: 01 Motor màu xanh lá cây hiệu Baolong; 01 ổn áp hiệu HANSHIN 3KV chưa xác định rõ nguồn gốc, nên giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời tiếp tục điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

[6] Đối với việc Tô Phủ Bạc khai có mất 01 nồi cơm điện, nhưng hiện chưa chứng minh được bị cáo T lấy trộm. Nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời tiếp tục điều tra, có căn cứ xử lý sau, là phù hợp.

[7] Đối với hành vi của bị cáo T trộm 01 máy bơm nén màu xanh hiệu TECO của Tô Phủ B, nhưng không đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời xử phạt hành chính đối với T là phù hợp.

[8] Đối với Lâm Anh V, có nhận 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu tím để thay màn hình, nhưng không biết T trộm cắp mà có. Nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời không xử lý là phù hợp.

[9] Về thủ tục tố tụng: Trần Văn D (bị hại) vắng mặt tại phiên tòa và việc vắng mặt của Trần Văn D không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo, mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng (án phí hình sự sơ thẩm).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: "Trộm cắp tài sản" và bị cáo Tô Kiều Q phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 2 (Hai) năm 171 ngày cải tạo không giam giữ (được đối trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2019 đến ngày 09/11/2019); buộc bị cáo **Nguyễn Văn T** phải chấp hành **02** (Hai) năm cải tạo không giam giữ. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Tô Kiều Q** 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo: Nguyễn Văn T và Tô Kiều Q tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo Nguyễn Văn T và Tô Kiều Q cho Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 nón bảo hiểm màu đỏ, vành màu đen, phía trước có chữ NB Nam Bình, hai bên mũ có chữ Honda Nam Bình; 01 điện thoại cảm ứng hiệu Galaxy S2 Prime màu vàng đồng, sim số 0949.88.99.16; Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Trần Văn Thời quản lý 01 Motor màu xanh lá cây hiệu Baolong; 01 ổn áp hiệu HANSHIN 3KV, tiếp tục điều tra xử lý theo thẩm quyền (Vật chứng được Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đang quản lý tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/11/2019).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Tô Kiều Q, mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng (Án phí hình sự sơ thẩm).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm công khai: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Tô Kiều Q; bị hại Hồ Trọng N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Trần Văn D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện Trần Văn Thời (1b);
- CAND huyện Trần Văn Thời (1b);
- THADS huyện Trần Văn Thời (1b);
- Các bị cáo; các bị hại (4b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Thành Quang